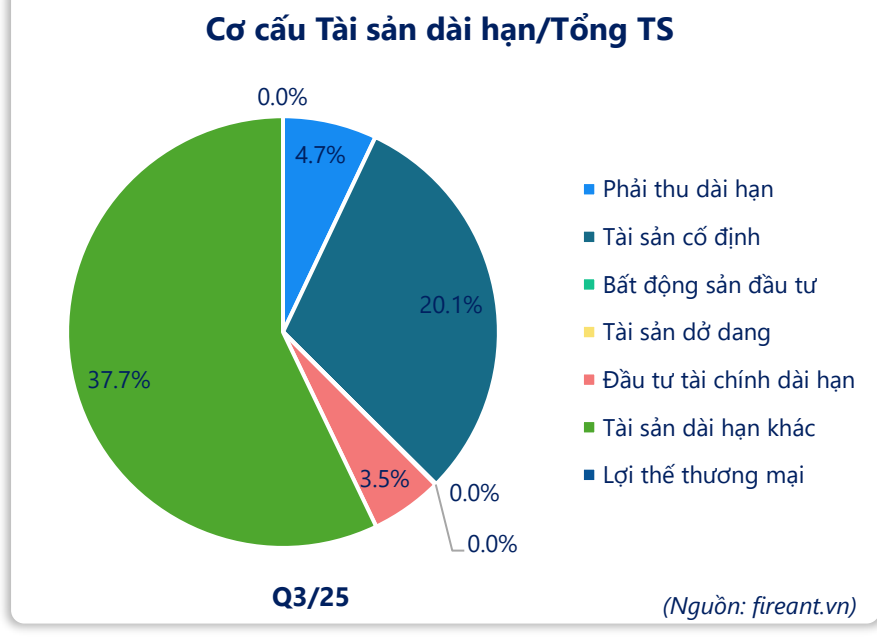
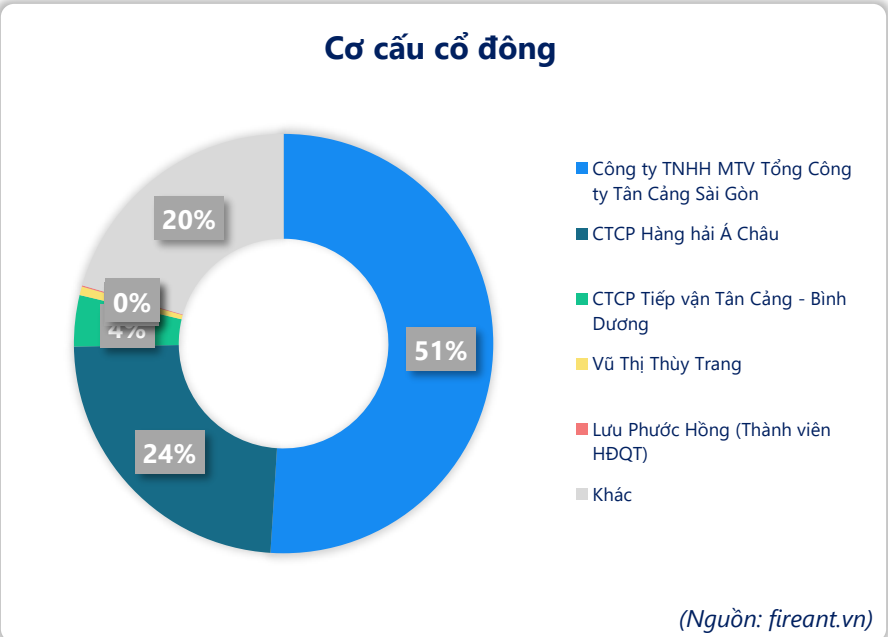
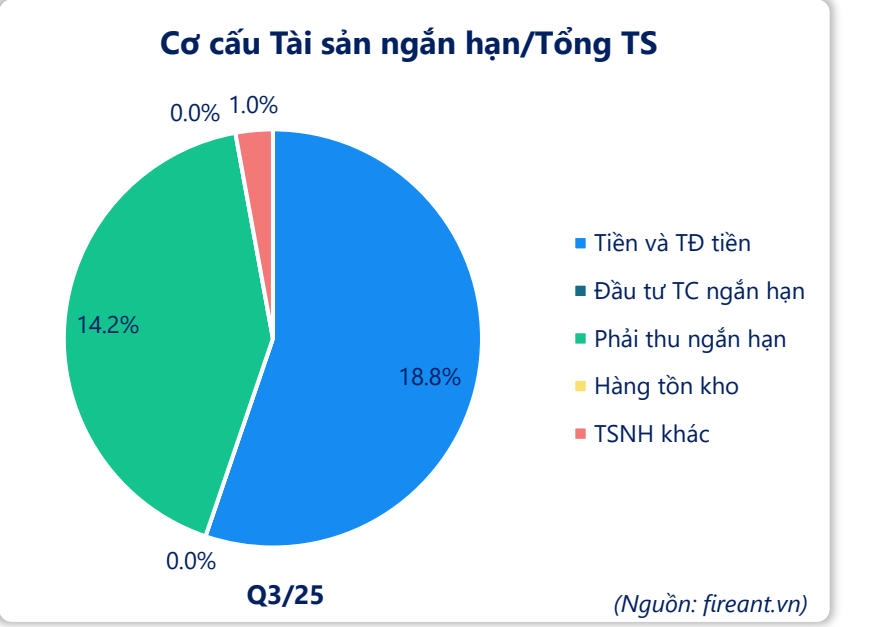
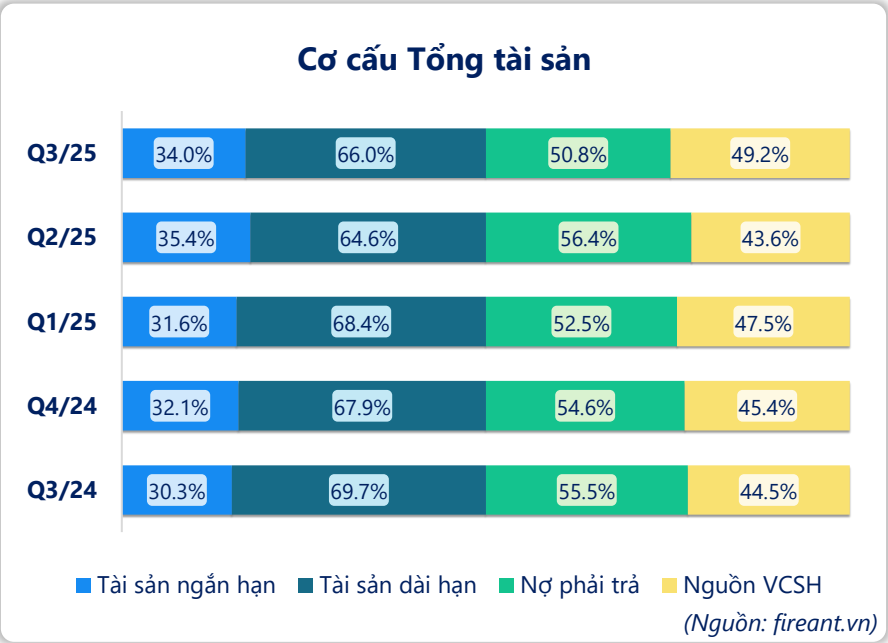
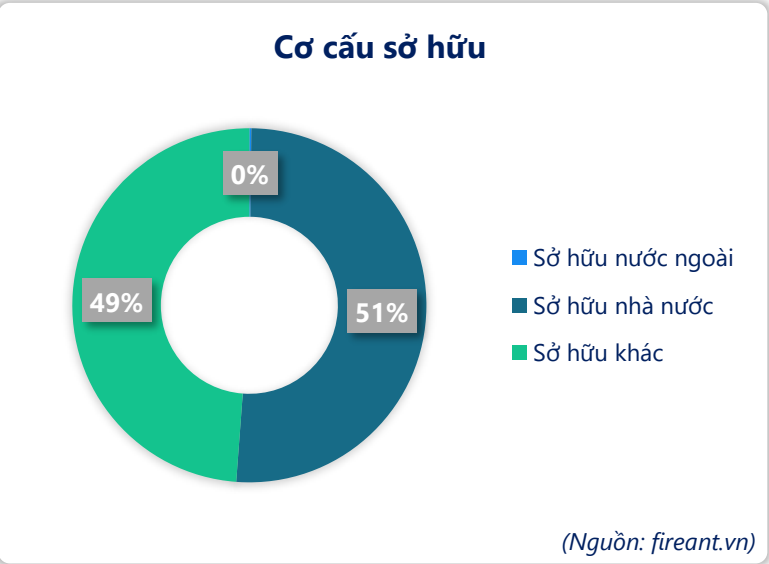
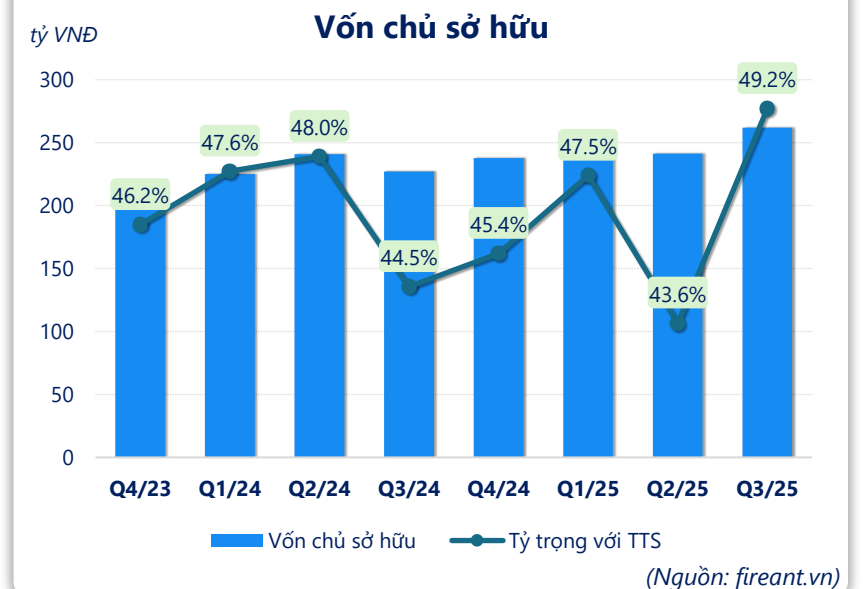
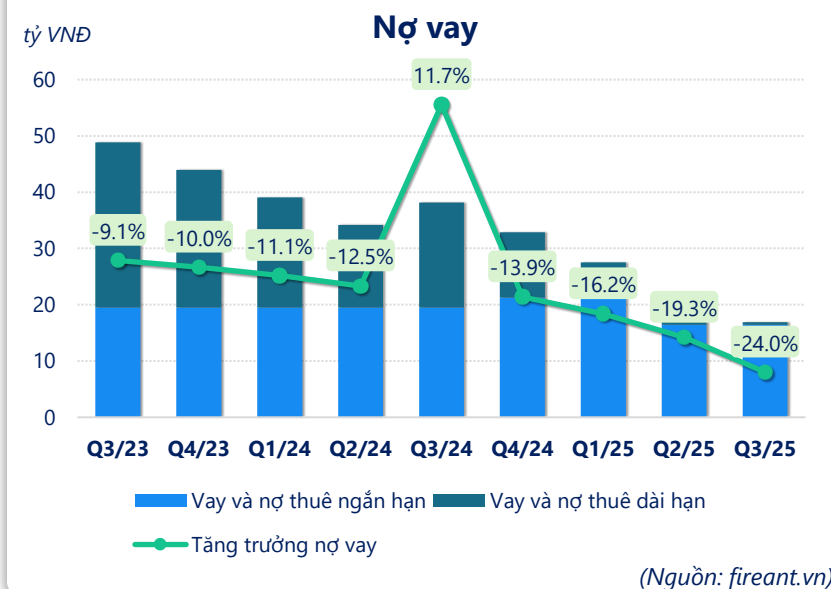
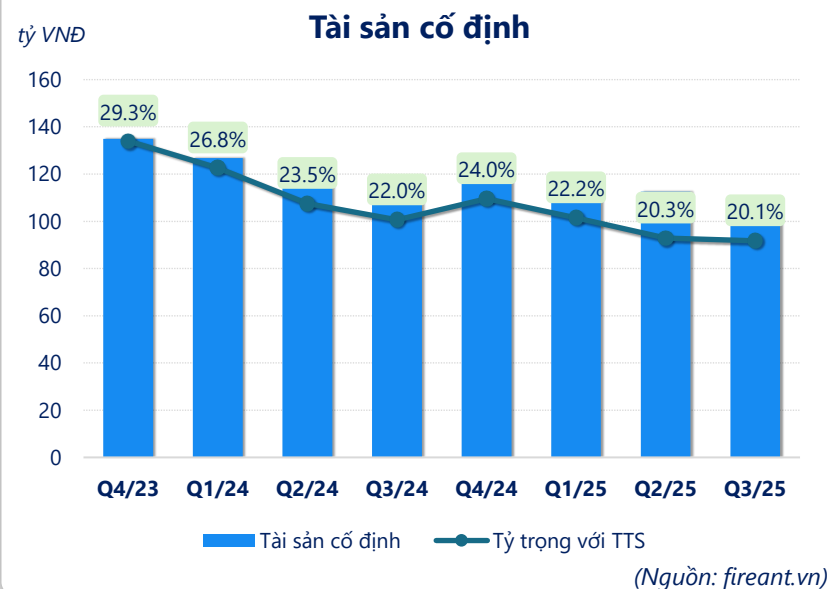
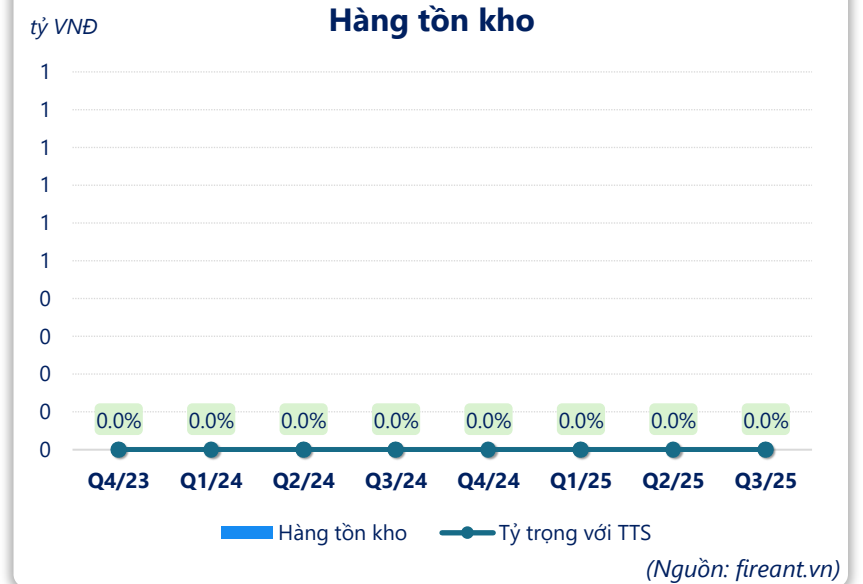
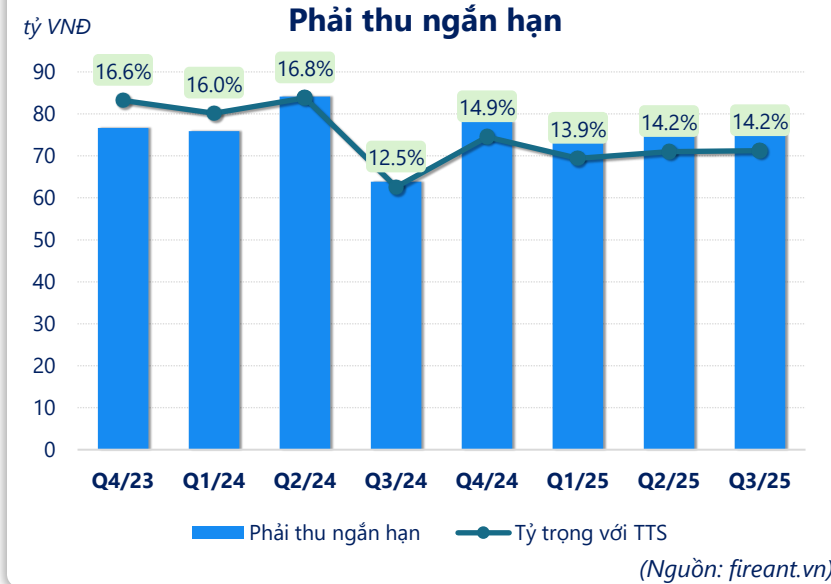
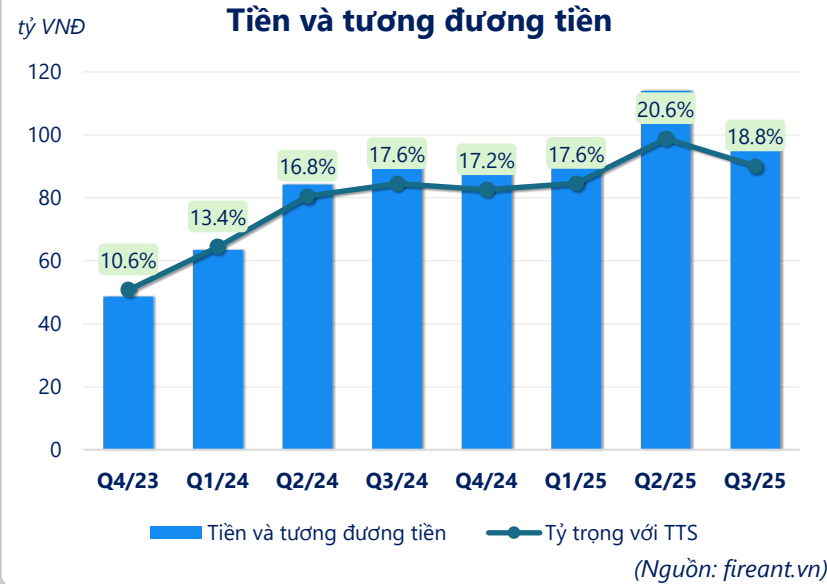
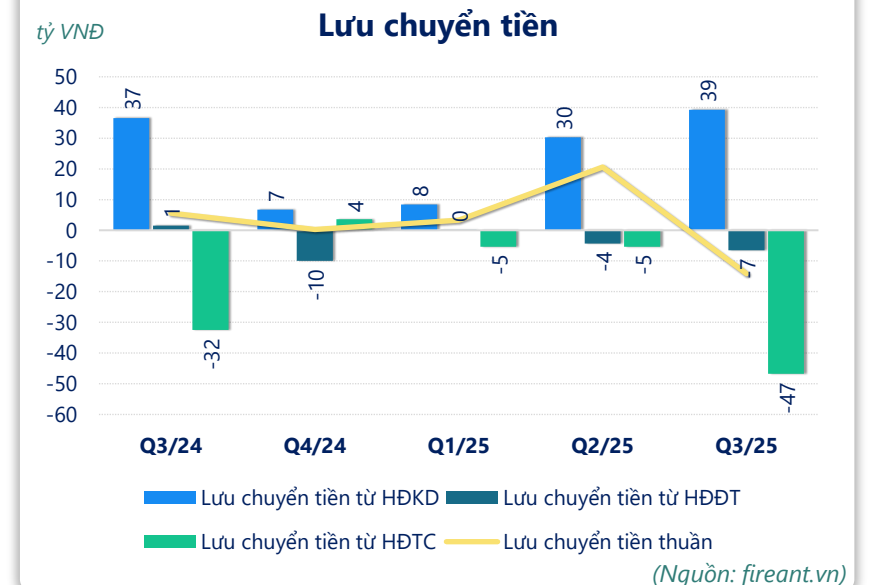
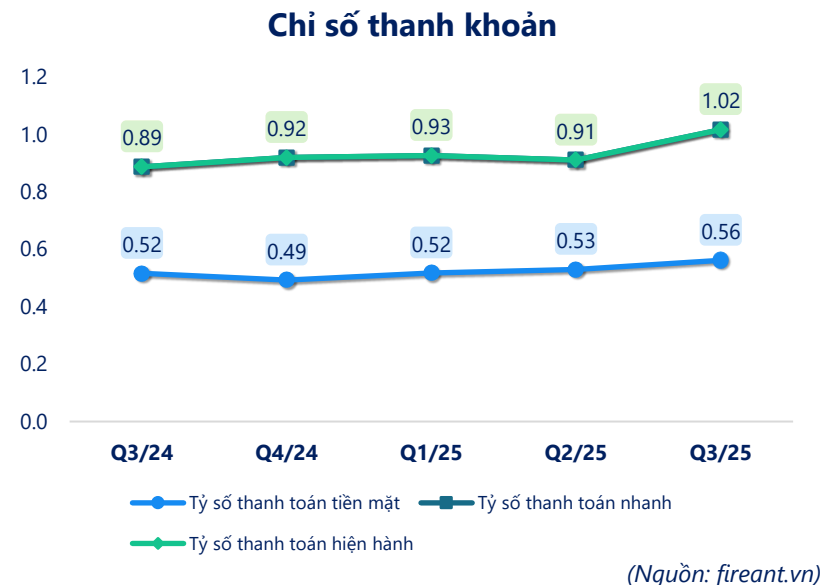
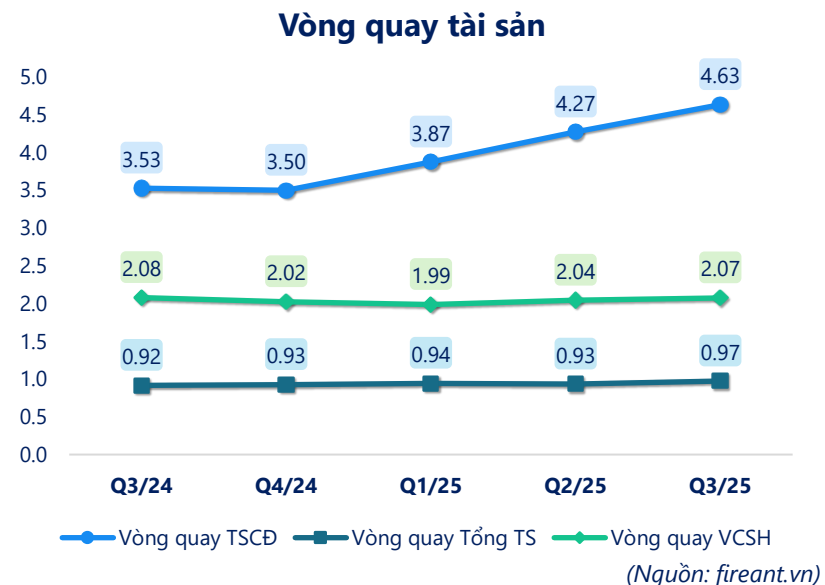
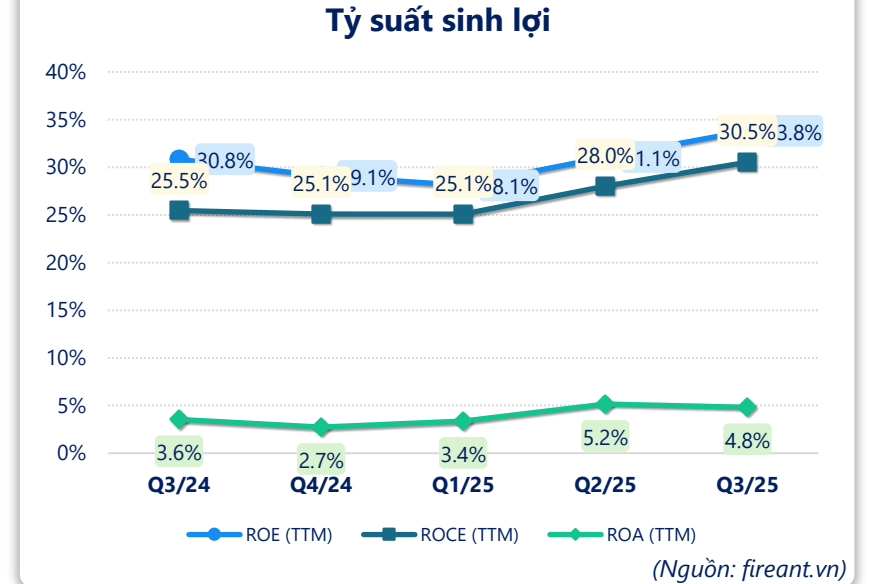
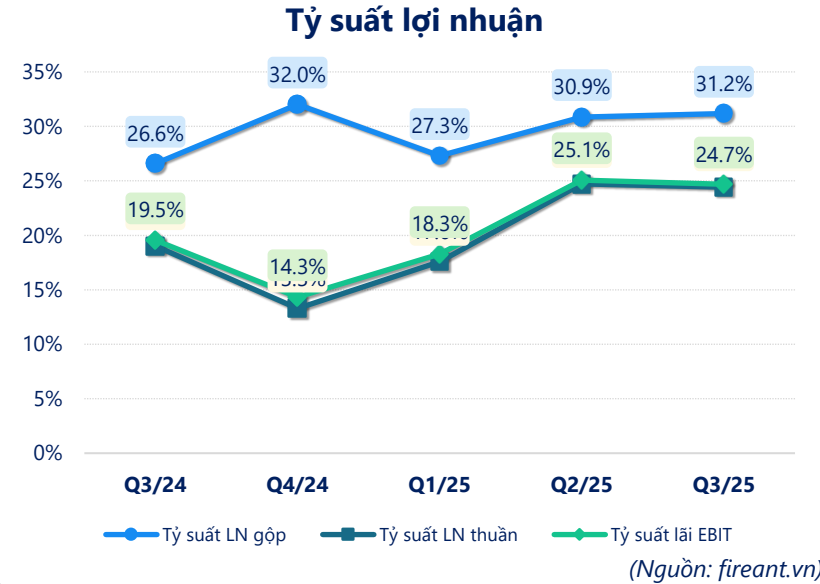
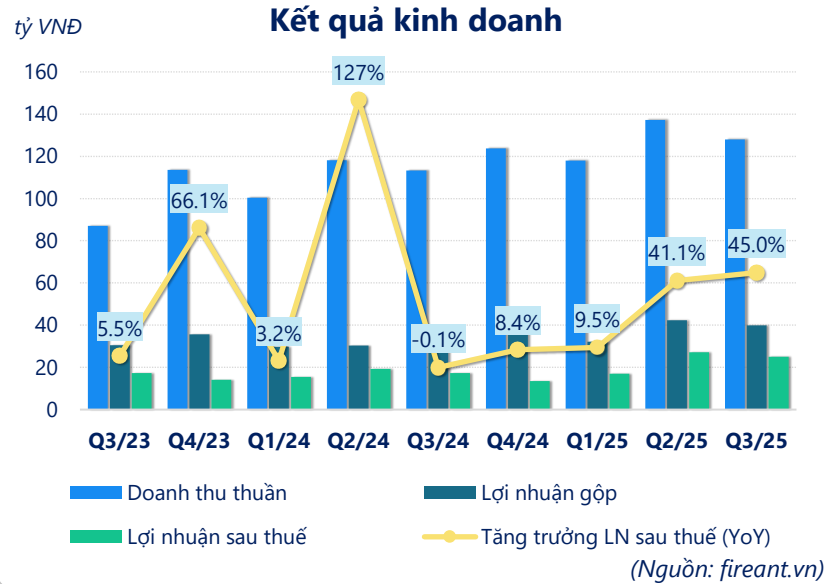


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		37,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		41,325
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		26,220
SL cổ phiếu LH		15,008,492
KLGD BQ 20 phiên (CP)		790
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		555
P/E		6.7
EPS		5,507

	YTD	1T	3T	6T
IST	7.3%	-7.3%	8.2%	-0.9%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	532	524	1.5%
Tài sản ngắn hạn	181	168	7.5%
Tiền và tương đương tiền	99.8	90.1	10.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	75.7	78.1	-3.0%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	5.20	0	
Tài sản dài hạn	351	356	-1.3%
Phải thu dài hạn	24.7	25.6	-3.5%
Tài sản cố định	107	126	-15.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.22	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	18.8	18.8	0.0%
Tài sản dài hạn khác	200	186	8.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	270	286	-5.7%
Nợ ngắn hạn	178	183	-2.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	16.4	21.3	-22.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	29.5	57.0	-48.3%
Nợ dài hạn	92.0	103	-10.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.44	11.6	-96.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	262	237	10.2%
Vốn chủ sở hữu	262	237	10.2%
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	113	124	118	137	128
Giá vốn hàng bán	83.1	84.1	85.8	94.9	88.1
Lợi nhuận gộp	30.1	39.6	32.2	42.3	39.9
Doanh thu HĐTC	3.01	0.43	0.39	0.94	3.51
Chi phí TC	0.57	0.54	0.41	0.38	0.29
Chi phí lãi vay	0.55	0.54	0.41	0.38	0.29
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.88	1.71	0.67	0.25	0.66
Chi phí QLDN	10.1	21.3	10.8	8.74	11.2
LN thuần từ HĐKD	21.5	16.4	20.7	33.9	31.3
Lợi nhuận khác	0.05	0.75	0.43	0.09	0.03
LN trước thuế	21.6	17.2	21.2	34.0	31.3
Lợi nhuận sau thuế	17.3	13.5	16.9	27.2	25.0
LNST của CĐ cty mẹ	17.3	13.5	16.9	27.2	25.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	36.6	6.75	8.42	30.3	39.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.49	-10.00	0.15	-4.36	-6.55
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-32.5	3.54	-5.32	-5.32	-46.8
Tiền đầu kỳ	84.2	89.8	90.1	93.3	114
Lưu chuyển tiền thuần	5.55	0.29	3.25	20.6	-14.1
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.01	0	0.02	0.02
Tiền cuối kỳ	89.8	90.1	93.3	114	99.8

(Nguồn: fireant.vn)